

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 08/10/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội khoá XV kỳ tại họp thứ ba ngày 16/6/2022 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 06/5/2022 của Chính phủ về thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; về việc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình một số dự án luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn: số 68/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 về việc phê chuẩn Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; số 09/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 và số 23/NQ-HĐND ngày 27/9/2022 về việc điều chỉnh Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030;*

*Căn cứ Kết luận số 1152-KL/TU ngày 29/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại kỳ họp thứ 50, ngày 29/11/2019; Kết luận số 1140-KL/TU ngày 24/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại kỳ họp thứ 24, ngày 23/9/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 123/TTr-SNN ngày 10/10/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh khoản 7, khoản 8 Điều 1 Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 08/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn (được điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tại các Quyết định của UBND tỉnh: số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020; số 1465/QĐ-UBND ngày 01/8/2020) như sau:

1. Điều chỉnh 82,71 ha đất rừng phòng hộ, trong đó có 54,52 ha đất có rừng (có 11,42 ha rừng tự nhiên, 43,10 ha rừng trồng) và 28,19 ha đất trống ra ngoài quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn, cụ thể tại các huyện, thành phố như sau:

- a) Huyện Văn Quan: xã Trấn Ninh 0,33 ha.
- b) Huyện Đình Lập: xã Cường Lợi 0,75 ha.
- c) Thành phố Lạng Sơn: xã Hoàng Đồng 16,53 ha.
- d) Huyện Tràng Định (41,01 ha): xã Chí Minh 0,87 ha, xã Đào Viên 25,64 ha, xã Tân Minh 14,50 ha.
- đ) Huyện Cao Lộc: xã Thụy Hùng 0,72 ha.
- e) Huyện Văn Lãng (23,37 ha): xã Trùng Khánh 12,74 ha, xã Thụy Hùng 4,39 ha, xã Thanh Long 6,24 ha.

Diện tích đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 sau điều chỉnh tại Quyết định này là 103.335,05 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 73.980,73 ha, chiếm 71,59% tổng diện tích đất rừng phòng hộ; diện tích đất chưa có rừng 29.354,32 ha chiếm 28,41% tổng diện tích đất rừng phòng hộ.

2. Điều chỉnh 688,71 ha đất rừng sản xuất, trong đó có 552,62 ha đất có rừng (có 24,37 ha rừng tự nhiên, 528,25 ha rừng trồng) và 136,09 ha đất trống ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Lạng Sơn, cụ thể tại các huyện, thành phố như sau:

- a) Huyện Văn Quan (10,68 ha): thị trấn Văn Quan 8,02 ha, xã Tràng Các 2,58 ha, xã An Sơn 0,06 ha, xã Điềm He 0,02 ha.
- b) Huyện Đình Lập (31,78 ha): xã Cường Lợi 9,48 ha, xã Đồng Thắng 10,96 ha, xã Lâm Ca 11,34 ha.
- c) Thành phố Lạng Sơn (21,26 ha): xã Hoàng Đồng 13,13 ha, xã Mai Pha 8,13 ha.
- d) Huyện Lộc Bình (356,77 ha): xã Khánh Xuân 14,31 ha, xã Tú Đoạn 26,90 ha, xã Sần Viên 270,57 ha, xã Khuất Xá 0,59 ha, xã Đông Quan 44,40 ha.
- đ) Huyện Văn Lãng (42,77 ha): xã Tân Mỹ 35,49 ha; xã Hoàng Việt 5,70 ha, xã Bắc Việt 0,75 ha, thị trấn Na Sầm 0,51 ha, xã Thụy Hùng 0,17 ha, xã Thanh Long 0,15 ha.

e) Huyện Trảng Định (18,86 ha): xã Chi Lăng 3,43 ha, xã Chí Minh 2,01 ha, xã Đề Thám 7,53 ha, xã Hùng Sơn 0,39 ha, xã Hùng Việt 1,35 ha, xã Tân Minh 0,83 ha, xã Đào Viên 3,32 ha.

g) Huyện Hữu Lũng (131,61 ha): xã Hồ Sơn 79,70 ha, xã Hòa Thắng 51,91 ha.

h) Huyện Chi Lăng (18,86 ha): xã Bắc Thủy 9,73 ha, xã Vân Thủy 7,40 ha, xã Nhân Lý 1,73 ha.

i) Huyện Cao Lộc (56,12ha): xã Cao Lâu 3,39 ha, xã Hải Yến 1,34 ha, xã Hòa Cư 0,67 ha, xã Xuân Long 0,33 ha, xã Hồng Phong 4,73 ha, xã Gia Cát 12,05 ha, xã Thụy Hùng 16,51 ha, xã Bảo Lâm 0,92 ha, xã Thạch Đạn 3,67 ha, thị trấn Cao Lộc 0,01 ha, xã Hợp Thành 1,91 ha, xã Phú Xá 7,05 ha, xã Yên Trạch 3,54 ha.

Diện tích đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 sau điều chỉnh tại Quyết định này là 500.547,68 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 411.318,69 ha, chiếm 82,17% tổng diện tích đất rừng sản xuất; diện tích đất chưa có rừng là 89.228,99 ha, chiếm 17,83% tổng diện tích đất rừng sản xuất.

### 3. Lý do điều chỉnh

Điều chỉnh 771,42 ha diện tích đất trong quy hoạch 3 loại rừng (82,71 ha đất rừng phòng hộ và 688,71 ha đất rừng sản xuất) ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng để thực hiện 14 dự án cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Chi tiết các dự án điều chỉnh diện tích rừng ra ngoài quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn tại Biểu kèm theo.

4. Cơ cấu và diện tích ba loại rừng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 sau điều chỉnh tại Quyết định này như sau: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 616.995,42 ha, chiếm 74,25% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Cơ cấu 3 loại rừng: rừng đặc dụng chiếm 2,13%, rừng phòng hộ chiếm 16,75%, rừng sản xuất chiếm 81,12%, cụ thể như sau:

a) Diện tích và cơ cấu ba loại rừng huyện Văn Quan sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 36.753,10 ha, trong đó: rừng đặc dụng 1.090,63 ha, rừng phòng hộ 6.349,86 ha, rừng sản xuất 29.312,61 ha.

b) Diện tích và cơ cấu 3 loại rừng huyện Đình Lập sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 109.698,86 ha, trong đó: rừng phòng hộ 22.631,60 ha, rừng sản xuất 87.067,26 ha.

c) Diện tích và cơ cấu 3 loại rừng thành phố Lạng Sơn sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 3.652,94 ha, trong đó: rừng phòng hộ 885,63 ha, rừng sản xuất 2.767,31 ha.

d) Diện tích và cơ cấu 3 loại rừng huyện Lộc Bình sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 71.097,43 ha, trong đó: rừng đặc dụng 2.212,51 ha, rừng phòng hộ 9.390,80 ha, rừng sản xuất 59.494,12 ha.

đ) Diện tích và cơ cấu 3 loại rừng huyện Văn Lãng sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 43.485,80 ha, trong đó: rừng phòng hộ 3.591,27 ha, rừng sản xuất 39.894,53 ha.

e) Diện tích và cơ cấu 3 loại rừng huyện Tràng Định sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 83.326,56 ha, trong đó: rừng phòng hộ 12.413,79 ha, rừng sản xuất 70.912,77 ha.

g) Diện tích và cơ cấu 3 loại rừng huyện Hữu Lũng sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 39.401,92 ha, trong đó: rừng đặc dụng 6.914,79 ha, rừng phòng hộ 12.618,33 ha, rừng sản xuất 19.868,80 ha.

h) Diện tích và cơ cấu 3 loại rừng huyện Chi Lăng sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 40.727,30ha, trong đó: rừng đặc dụng 287,98 ha, rừng phòng hộ 5.702,06 ha, rừng sản xuất 34.737,26 ha.

i) Diện tích và cơ cấu 3 loại rừng huyện Cao Lộc sau điều chỉnh: diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 43.762,50 ha, trong đó: rừng đặc dụng 1.670,03 ha, rừng phòng hộ 8.495,20 ha, rừng sản xuất 33.597,27 ha.

5. Vị trí điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tại các xã: Trần Ninh, Tràng Các, An Sơn, Điềm He và thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan; các xã: Cường Lợi, Đồng Thắng, Lâm Ca, huyện Đình Lập; các xã: Mai Pha, Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn; các xã: Tú Đoạn, Khánh Xuân, Sần Viên, Đông Quan, Khuất Xá, huyện Lộc Bình; các xã: Bắc Việt, Hoàng Việt, Tân Mỹ, Trùng Khánh, Thụy Hùng, Thanh Long và thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng; các xã: Chi Lăng, Chí Minh, Đề Thám, Hùng Việt, Hùng Sơn, Đào Viên, Tân Minh, huyện Tràng Định; các xã: Hồ Sơn, Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng; các xã: Bắc Thủy, Vân Thủy, Nhân Lý, huyện Chi Lăng; các xã: Xuân Long, Cao Lâu, Hải Yến, Hòa Cư, Yên Trạch, Phú Xá, Hợp Thành, Thạch Đạn, Bảo Lâm, Thụy Hùng, Hồng Phong, Gia Cát, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc sau điều chỉnh được xác định cụ thể trên hệ thống Bản đồ và danh sách các lô rừng được điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng.

*(Có Báo cáo thuyết minh, phụ lục danh sách vị trí điều chỉnh quy hoạch, Bản đồ điều chỉnh quy hoạch kèm theo Quyết định này).*

**Điều 2.** Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo các Quyết định của UBND tỉnh Lạng Sơn: số 1833/QĐ-UBND ngày 08/10/2007 về phê duyệt quy hoạch ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn; số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 về việc phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; số 1465/QĐ-UBND ngày 01/8/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM,  
Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lương Trọng Quỳnh**